

THÔNG BÁO
Về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản

Căn cứ Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư Pháp hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản;

Căn cứ Quyết định số 1117/QĐ-TĐTQ ngày 02/8/2023 của Giám đốc Công ty Thủy điện Tuyên Quang về việc phê duyệt Phương án bán đấu giá tài sản, vật tư thu hồi, vật tư ứ đọng, kém mất phẩm chất đợt 1 năm 2023.

Công ty Thủy điện Tuyên Quang thông báo lựa chọn Tổ chức bán đấu giá tài sản như sau:

1. Tên, địa chỉ đơn vị có tài sản bán đấu giá:

- Đơn vị có tài sản bán đấu giá: Công ty Thủy điện Tuyên Quang – Chi nhánh Tập đoàn Điện lực Việt Nam.
- Địa chỉ: Số 403 đường Trường Chinh, phường Ý la, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.
- Điện thoại: 02073980929 Fax: 02073980919

2. Tài sản bán đấu giá: Tài sản, vật tư thu hồi, vật tư ứ đọng, kém mất phẩm chất đợt 1 năm 2023 theo Quyết định số 1117/QĐ-TĐTQ ngày 02/8/2023.

Tài sản bán đấu giá bao gồm cả chất thải nguy hại, vật tư có thể có chứa chất thải nguy hại.

3. Giá khởi điểm tài sản bán đấu giá: 516.300.000 đồng.

- Giá khởi điểm trên là giá đã bao gồm thuế GTGT.
- Giá khởi điểm trên là giá tối thiểu để bán đấu giá, người mua tự chi trả các chi phí phát sinh liên quan như chi phí xử lý chất thải nguy hại, chi phí bốc dỡ, chi phí vận chuyển và các chi phí khác.
- Người mua phải đáp ứng các quy định của Pháp luật về vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại, người mua có trách nhiệm xử lý chất thải nguy hại và vật tư có thể có chứa thành phần chất thải nguy hại và nộp lại chứng từ xử lý chất thải nguy hại cho bên bán.

4. Tiêu chí lựa chọn tổ chức bán đấu giá:

Trên cơ sở quy định tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản theo quy định tại Luật đấu giá 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016, Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/2/2022 của Bộ Tư pháp, Công ty Thủy điện Tuyên Quang quy định tiêu chí lựa chọn tổ chức bán đấu giá như sau:

4.1. Tiêu chí bắt buộc:

Tổ chức đấu giá tài sản phải được đánh giá là “đạt” 100% các tiêu chí bắt buộc mới được đưa vào đánh giá về điểm. Trường hợp “không đạt” một trong số các tiêu chí bắt buộc thì bị đánh giá là không đạt và bị loại.

Bảng tiêu chí bắt buộc:

TT	Tiêu chí bắt buộc	Tiêu chí đánh giá tiêu chí bắt buộc	Kết quả đánh giá	
			Đạt	Không đạt
1	Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Tham chiếu danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố. - Có tên trong danh sách đánh giá là “đạt”. - Không có tên trong danh sách đánh giá “không đạt”.		
2	Hình thức đấu giá đề xuất trong hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn của tổ chức đấu giá tài sản	- Tổ chức đấu giá đề xuất hình thức đấu giá là đấu giá trực tuyến được đánh giá là “đạt”. - Tổ chức đấu giá đề xuất hình thức đấu giá là đấu giá không phải là trực tuyến được đánh giá là “không đạt”.		
3	Có đủ điều kiện tổ chức đấu giá trực tuyến	Tổ chức đấu giá có Trang thông tin điện tử đấu giá trực tuyến hoặc có hợp đồng, văn bản thuê Trang thông tin điện tử đấu giá trực tuyến để tổ chức cuộc đấu giá bằng hình thức đấu giá trực tuyến đánh giá là “đạt”. Không có đánh giá “không đạt”		
	Kết luận	Cả ba tiêu chí đánh giá “đạt” thì kết luận là đạt, có từ 1 tiêu chí trở lên đánh giá không đạt thì kết luận “không đạt”.		

4.2. Tiêu chí chấm điểm:

Các hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn của tổ chức đấu giá tài sản được đánh giá là “đạt” đối với các tiêu chí bắt buộc được xem xét, đánh giá chấm điểm để xếp hạng các hồ sơ đề xuất. Các tiêu chí chấm điểm như sau:

- a) Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá.
- b) Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả.
- c) Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản.
- d) Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp.

Các hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn của tổ chức đấu giá tài sản sẽ bị trừ điểm theo quy định tại Điều 5 Thông tư 02/2022/TT-BTP ngày 8/2/2022 của Bộ Tư pháp.

Bảng tiêu chí đánh giá, chấm điểm tổ chức đấu giá tài sản:

STT	Tiêu chí chấm điểm theo quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTP của Bộ Tư Pháp		Quy định chi tiết về tiêu chí tính điểm	
	Nội dung	Điểm tối đa	Tiêu chí tính điểm	Điểm chấm
I	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết phục vụ cho việc tổ chức đấu giá	23	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết phục vụ cho việc tổ chức đấu giá	
1	Cơ sở vật chất đảm bảo cho việc đấu giá	11	Cơ sở vật chất đảm bảo cho việc đấu giá	
1.1	Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử...)	6	Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ gồm số điện thoại và địa chỉ thư điện tử.	6
			Thiếu thông tin về số điện thoại hoặc thiếu địa chỉ thư điện tử trừ 01 điểm	5
			Thiếu thông tin về số điện thoại và thiếu địa chỉ thư điện tử trừ 02 điểm	4
			Không kê khai thông tin trụ sở	0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện	5	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện và áp dụng hình thức bán và tiếp nhận trực tiếp, bán và tiếp nhận qua đường bưu chính hoặc các hình thức khác.	5
			Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện nhưng chỉ áp dụng hình thức bán, tiếp nhận trực tiếp.	3
			Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí không công khai, không thuận tiện.	0
2	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	8	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	

STT	Tiêu chí chấm điểm theo quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTP của Bộ Tư Pháp		Quy định chi tiết về tiêu chí tính điểm	
	Nội dung	Điểm tối đa	Tiêu chí tính điểm	Điểm chấm
2.1	Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng đựng phiếu trả giá bảo đảm an toàn, bảo mật và các phương tiện khác bảo đảm cho việc đấu giá	4	Có tối thiểu 01 máy in, 01 máy tính có kết nối internet	4
			Thiếu máy in hoặc máy tính có kết nối internet	0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; nơi tổ chức cuộc đấu giá	4	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình hoặc thiết bị lưu trữ thông tin quá trình bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, quá trình đấu giá phù hợp hình thức đấu giá trực tuyến tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; nơi tổ chức cuộc đấu giá.	4
			Không có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình hoặc thiết bị lưu trữ thông tin quá trình bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, quá trình đấu giá phù hợp hình thức đấu giá trực tuyến tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; nơi tổ chức cuộc đấu giá.	0
3	Có trang thông tin điện tử đang hoạt động	2	Có trang thông tin điện tử đang hoạt động	2
			Không có trang thông tin điện tử đang hoạt động	0
4	Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến	1	Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến	1
			Chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến phê duyệt	0
5	Nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá.	1
			Không có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá.	0

STT	Tiêu chí chấm điểm theo quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTP của Bộ Tư Pháp		Quy định chi tiết về tiêu chí tính điểm	
	Nội dung	Điểm tối đa	Tiêu chí tính điểm	Điểm chấm
II	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	22	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả	
1	Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan	4	Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá với đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan, hình thức đấu giá trực tuyến.	4
			Phương án đấu giá đề xuất tổ chức đấu giá không đúng quy định, không phải là đấu giá trực tuyến, không bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan.	0
2	Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4	Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao.	4
			Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá không thuận lợi cho người tham gia đấu giá; bước giá, số vòng đấu giá thiếu tính khả thi và hiệu quả.	0
3	Phương án đấu giá đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng, đim giá	4	Phương án đấu giá có đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng, đim giá	4
			Phương án đấu giá không có đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng, đim giá	0
4	Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết,	4	Phương án đấu giá đề xuất thêm 04 địa điểm trở lên, hình thức niêm	4

STT	Tiêu chí chấm điểm theo quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTP của Bộ Tư Pháp		Quy định chi tiết về tiêu chí tính điểm		
	Nội dung	Điểm tối đa	Tiêu chí tính điểm	Điểm chấm	
	thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá.		yết, thông báo công khai khác ngoài quy định bắt buộc và đề xuất có tính khả thi, hiệu quả được tính 04 điểm		
			Phương án đấu giá đề xuất thêm 03 địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác ngoài quy định bắt buộc và đề xuất có tính khả thi, hiệu quả được tính 03 điểm		3
			Phương án đấu giá đề xuất thêm 02 địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác ngoài quy định bắt buộc và đề xuất có tính khả thi, hiệu quả được tính 02 điểm		2
			Phương án đấu giá đề xuất thêm 01 địa điểm trở lên, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác ngoài quy định bắt buộc và đề xuất có tính khả thi, hiệu quả được tính 01 điểm		1
5	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá	3	Phương án đấu giá có đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá.	3	
			Phương án đấu giá không có đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá hoặc giải pháp không đảm bảo.	0	
6	Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá	3	Phương án đấu giá có đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá.	3	

STT	Tiêu chí chấm điểm theo quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTP của Bộ Tư Pháp		Quy định chi tiết về tiêu chí tính điểm	
	Nội dung	Điểm tối đa	Tiêu chí tính điểm	Điểm chấm
			Phương án đấu giá không có đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá.	0
III	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản	45	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản	
1	Trong năm trước liền kề đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1.1, 1.2, 1.3, 1.4 hoặc 1.5	6	Trong năm trước liền kề (năm 2022) đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) (Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1.1, 1.2, 1.3, 1.4 hoặc 1.5)	
1.1	Dưới 03 hợp đồng (bao gồm trường hợp không thực hiện hợp đồng nào)	2	Không có hợp đồng nào. Có 01 hợp đồng. Có 02 hợp đồng.	0 1 2
1.2	Từ 03 hợp đồng đến dưới 10 hợp đồng	3	Từ 03 hợp đồng đến dưới 10 hợp đồng.	3
1.3	Từ 10 hợp đồng đến dưới 20 hợp đồng	4	Từ 10 hợp đồng đến dưới 20 hợp đồng.	4
1.4	Từ 20 hợp đồng đến dưới 30 hợp đồng	5	Từ 20 hợp đồng đến dưới 30 hợp đồng.	5
1.5	Từ 30 hợp đồng trở lên	6	Từ 30 hợp đồng trở lên.	6
2	Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá thành các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu	18	Trong năm trước liền kề (năm 2022) đã tổ chức đấu giá thành các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm (Tổ chức đấu giá tài sản liệt	

STT	Tiêu chí chấm điểm theo quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTP của Bộ Tư Pháp		Quy định chi tiết về tiêu chí tính điểm	
	Nội dung	Điểm tối đa	Tiêu chí tính điểm	Điểm chấm
	giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) (Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 hoặc 2.5)		kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng). (Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 hoặc 2.5)	
2.1	Dưới 20% (bao gồm trường hợp không có chênh lệch)	10	Dưới 5% (kể cả trường hợp chênh lệch 0%).	5
			Từ 5% đến dưới 10%.	8
			Từ 10% đến dưới 20%.	10
2.2	Từ 20% đến dưới 40%	12	Từ 20% đến dưới 30%.	11
			Từ 30% đến dưới 40%.	12
2.3	Từ 40% đến dưới 70%	14	Từ 40% đến dưới 55%.	13
			Từ 55% đến dưới 70%.	14
2.4	Từ 70% đến dưới 100%	16	Từ 70% đến dưới 85%.	15
			Từ 85% đến dưới 100%.	16
2.5	Từ 100% trở lên	18	Từ 100% trở lên.	18
3	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 3.1, 3.2 hoặc 3.3	5	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động. (Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 3.1, 3.2 hoặc 3.3)	
3.1	Dưới 03 năm	3	Dưới 03 năm.	3
3.2	Từ 03 năm đến dưới 05 năm	4	Từ 03 năm đến dưới 05 năm.	4
3.3	Từ 05 năm trở lên	5	Từ 05 năm trở lên.	5
4	Số lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản	3	Số lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản (Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 4.1, 4.2 hoặc 4.3)	

STT	Tiêu chí chấm điểm theo quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTP của Bộ Tư Pháp		Quy định chi tiết về tiêu chí tính điểm	
	Nội dung	Điểm tối đa	Tiêu chí tính điểm	Điểm chấm
4.1	01 đấu giá viên	1	01 đấu giá viên.	1
4.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên.	2
4.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	3	Từ 05 đấu giá viên trở lên.	3
5	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản (tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản)	4	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản). (Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 5.1, 5.2 hoặc 5.3)	
5.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	2	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên.	2
5.2	Từ 01 đến 02 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	3	Từ 01 đến 02 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên.	3
5.3	Từ 03 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	4	Từ 03 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên.	4
6	Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 6.1, 6.2, 6.3 hoặc 6.4)	5	Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng. (Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 6.1, 6.2, 6.3 hoặc 6.4)	
6.1	Dưới 50 triệu đồng	2	Dưới 50 triệu đồng.	2
6.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	3	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng.	3
6.3	Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng	4	Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng.	4
6.4	Từ 200 triệu đồng trở lên	5	Từ 200 triệu đồng trở lên.	5

STT	Tiêu chí chấm điểm theo quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTP của Bộ Tư Pháp		Quy định chi tiết về tiêu chí tính điểm	
	Nội dung	Điểm tối đa	Tiêu chí tính điểm	Điểm chấm
7	Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động (Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 7.1 hoặc 7.2)	3	Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động. (Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 7.1 hoặc 7.2)	
7.1	Dưới 03 nhân viên (bao gồm trường hợp không có nhân viên nào)	2	Dưới 03 nhân viên (bao gồm trường hợp không có nhân viên nào).	2
7.2	Từ 03 nhân viên trở lên	3	Từ 03 nhân viên trở lên.	3
8	Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá tài sản trong năm trước liền kề hoặc năm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn	1	Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá tài sản trong năm trước liền kề hoặc năm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn.	1
			Không có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá tài sản trong năm trước liền kề hoặc năm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn.	0
IV	Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp (Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1, 2 hoặc 3)	5	Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp (Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1, 2 hoặc 3)	5
1	Bằng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài chính	3	Bằng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài chính.	3
2	Giảm dưới 20% mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính).	4	Giảm dưới 20% mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính).	4
3	Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)	5	Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính).	5

STT	Tiêu chí chấm điểm theo quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTP của Bộ Tư Pháp		Quy định chi tiết về tiêu chí tính điểm	
	Nội dung	Điểm tối đa	Tiêu chí tính điểm	Điểm chấm
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định	5	Tiêu chí khác: Số hợp đồng dịch vụ đấu giá hình thức đấu giá trực tuyến được ký từ 01/01/2021 đến ngày nộp hồ sơ. (mỗi hợp đồng được tính 0,5 điểm, tối đa 5 điểm).	
			Có 01 hợp đồng dịch vụ đấu giá hình thức đấu giá trực tuyến	0,5
			Có 02 hợp đồng dịch vụ đấu giá hình thức đấu giá trực tuyến	1,0
			Có 03 hợp đồng dịch vụ đấu giá hình thức đấu giá trực tuyến	1,5
			Có 04 hợp đồng dịch vụ đấu giá hình thức đấu giá trực tuyến	2,0
			Có 05 hợp đồng dịch vụ đấu giá hình thức đấu giá trực tuyến	2,5
			Có 06 hợp đồng dịch vụ đấu giá hình thức đấu giá trực tuyến	3,0
			Có 07 hợp đồng dịch vụ đấu giá hình thức đấu giá trực tuyến	3,5
			Có 08 hợp đồng dịch vụ đấu giá hình thức đấu giá trực tuyến	4,0
			Có 09 hợp đồng dịch vụ đấu giá hình thức đấu giá trực tuyến	4,5
			Có từ 10 hợp đồng dịch vụ đấu giá hình thức đấu giá trực tuyến trở lên	5
Tổng số điểm		100		Tối đa 100
Điểm trừ theo khoản 4,5,6 Điều 5 thông tư 02/2022/TT-BTP			Điểm trừ thực hiện theo khoản 4,5,6 Điều 5 thông tư 02/2022/TT-BTP	
Điểm đánh giá				

4.3. Tổ chức đấu giá tài sản được lựa chọn

Tổ chức đấu giá tài sản được lựa chọn là tổ chức đạt các tiêu chí bắt buộc và có tổng số điểm cao nhất của tất cả các tiêu chí cộng lại. Trường hợp có từ hai tổ chức đấu giá tài sản trở lên có tổng số điểm cao nhất bằng nhau thì người có tài sản đấu giá xem xét, quyết định lựa chọn một trong các tổ chức đó theo tiêu chí phụ, thứ tự ưu tiên tiêu chí phụ lần lượt như sau:

- Tổ chức đấu giá có số hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản hình thức đấu giá trực tuyến nhiều hơn.
- Tổ chức đấu giá chào mức thù lao tính trên giá khởi điểm của tài sản thấp hơn thì được ưu tiên lựa chọn.
- Tổ chức đấu giá chào mức giá thù lao cho phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm thấp hơn thì được ưu tiên lựa chọn.

5. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá

Hồ sơ đăng ký tham gia nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện (qua đơn vị chuyển phát bưu phẩm), địa chỉ nhận hồ sơ: Công ty Thủy điện Tuyên Quang, số 403 đường Trường Chinh, phường Ý la, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

Thời gian nộp hồ sơ: Từ khi thông báo trên Cổng thông tin điện tử Quốc gia về đấu giá tài sản <https://dgts.moj.gov.vn> đến 16h30 ngày 08/08/2023.

Trường hợp hồ sơ nộp qua đường bưu điện không đảm bảo được giao đến Công ty trước hạn nộp hồ sơ thì Đơn vị nộp hồ sơ nộp phải fax hồ sơ đến Công ty Thủy điện Tuyên Quang trước thời hạn cuối nộp hồ sơ. Trường hợp này thời gian nộp hồ sơ tính theo tính theo xác nhận của bộ phận văn thư Công ty Thủy điện Tuyên Quang nhưng không muộn hơn 24 giờ sau thời hạn nộp hồ sơ.

6. Thành phần hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá:

- Phương án đấu giá;
- Văn bản chào thù lao đấu giá và chi phí đấu giá. Riêng chi phí đấu giá phải chào chi tiết các khoản chi phí và số tiền cụ thể của mỗi khoản chi phí.
- Hồ sơ, tài liệu để chứng minh các tiêu chí lựa chọn tổ chức bán đấu giá./.

Nơi nhận:

- Cổng TT điện tử Quốc gia về ĐGTS;
- PGĐ;
- Các đơn vị;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

Vũ Văn Tinh

Phụ lục
DANH MỤC TÀI SẢN, VẬT TƯ THU HỒI, VẬT TƯ Ứ ĐỘNG KÉM MẮT PHẨM CHẤT
BÁN ĐẦU GIÁ
(Kèm theo Thông báo số /TB-TĐTQ ngày /3/2023)

A. Tài sản cố định

TT	Tên và quy cách TSCĐ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Bơm nước Tohatsu (Bơm xăng cứu hỏa)	Cái	01	Hỏng
2	Máy Photocopy kỹ thuật số Toshiba (Digital Copie-e-Studio 356 SE)	Cái	01	Hỏng

B. Vật tư thu hồi, vật tư ứ đọng kém mắt phẩm chất:

TT	Danh mục	ĐVT	SL	Ghi chú
I	Vật tư thu hồi			
1	Dầu thủy lực ZS68	Lít	13.767	Đã qua sử dụng, có thể có chứa thành phần chất thải nguy hại.
2	Dầu thu hồi X46	Lít	3.727	
3	Dầu HD 50	Lít	1.031	
4	Dầu truyền nhiệt và cách điện tổng hợp thải	Kg	3.380	Chất thải nguy hại
5	Sắt phế liệu	Kg	4.634	Phế liệu
6	Sắt thép (giá đỡ vòng bi)	Kg	235	Hỏng
7	Cánh công xếp bằng inox	Cái	1	Không dùng được.
8	Cánh công bằng thép	Cái	1	Không dùng được
9	Bình inox 0,6m ³	Cái	1	Hỏng, không sử dụng được.
10	Ống thép mạ DN250	Mét	3,4	Hỏng, không sử dụng được.
11	Ống thép DN50	Mét	30	Hỏng, không sử dụng được.
12	Ống thép DN25	Mét	10	Hỏng, không sử dụng được.
13	Ống thép mạ kẽm DN50	Kg	497	Hỏng, không sử dụng được.
14	Đường ống thép trắng (HT khí bù) bao gồm cả mặt bích nối ϕ 200	Mét	5	Hỏng, không sử dụng được.
15	Đồng phế liệu	Kg	21,8	Phế liệu
16	Nhôm phế liệu	Kg	24,2	Phế liệu
17	Dây điện	Kg	87	Hỏng, không sử dụng được.
18	Dây dẫn nhôm lõi thép ACSR500/64 + Có đầu cốt	Kg	935	Hỏng, không sử dụng được.
19	Cầu chì các loại	Cái	39	Hỏng, không sử dụng được.
20	Nút ấn các loại	Cái	25	
21	Công tắc các loại	Cái	5	
22	Khóa cửa tủ các loại	Cái	1	Hỏng, không sử dụng được.
23	Aptomat các loại	Cái	42	Hỏng, không sử dụng được.
24	Công tắc tơ các loại	Cái	16	Hỏng, không sử dụng được.
25	Rơ le trung gian CKJ: kiểu RXMS1 RK 216463-AS; nguồn cấp: 220VDC	Cái	5	Hỏng, không sử dụng được.
26	Rơ le trung gian các loại	Cái	2	Hỏng, không sử dụng được.
27	Rơ le nhiệt các loại	Cái	10	Hỏng, không sử dụng được.

TT	Danh mục	ĐVT	SL	Ghi chú
28	Rơ le phao kiểu DL MAC3-16m 250VAC thông số kỹ thuật: 250Vac 1NO, 1NC	Cái	17	Hỏng, không sử dụng được
29	Mô đun Di ốt Các loại	Cái	13	Hỏng, không sử dụng được
30	Quạt gió các loại	Cái	1	Hỏng, không sử dụng được
31	Quạt làm mát: FP-108EX-S1-S; 220V/0,22A/38W Đường kính ngoài: 150x150mm (khung tròn)	Chiếc	27	Hỏng, không sử dụng được
32	Chân lưu các loại	Cái	2	Hỏng, không sử dụng được
33	Đèn đường các loại	Cái	18	Hỏng, không sử dụng được
34	Đèn tín hiệu các loại	Cái	111	Hỏng, không sử dụng được
35	Cáp điều khiển các loại	Kg	11	Hỏng, không sử dụng được
36	Điện trở sấy máy phát: 3kW; Uđm=220V	Bộ	8	Hỏng, không sử dụng được
37	Cầu đấu hộp động cơ	Cái	2	Hỏng, không sử dụng được
38	Cao su phế liệu	Kg	528,5	Hỏng, không sử dụng được
39	Khớp nối mềm Dn100 Pn10	Cái	8	Hỏng, không sử dụng được
40	Khớp nối cao su DN250	Cái	2	Hỏng, không sử dụng được
41	Nhựa phế liệu	Kg	25,14	Hỏng, không sử dụng được
42	Điều hòa các loại (sau khi đã bóc tách)	Cái	8	Hỏng, không sử dụng được
43	Vỏ tủ lạnh các loại	Cái	1	Hỏng, không sử dụng được
44	Quạt treo tường	Cái	1	Hỏng, không sử dụng được
45	Động cơ bộ lọc loại YS 80143 550W 220/380V	Cái	1	Hỏng, không sử dụng được
46	Van một chiều (HT khí bù) DN200	Bộ	1	Hỏng, không sử dụng được
47	Van 1 chiều cánh lật Dn250 Pn10	Cái	2	Hỏng, không sử dụng được
48	Van 1 chiều cánh lật Dn125 Pn16	Cái	2	Hỏng, không sử dụng được
49	Van 1 chiều cánh lật Dn100 Pn16	Cái	2	Hỏng, không sử dụng được
50	Cuộn van điện từ các loại	Cái	3	Hỏng, không sử dụng được
51	Van bướm điều khiển bằng tay Dn250	Cái	6	Hỏng, không sử dụng được
52	Van cổng điều khiển bằng tay Dn300	Cái	1	Hỏng, không sử dụng được
53	Van cổng Dn125 Pn16 điều khiển bằng điện	Cái	4	Hỏng, không sử dụng được
54	Van cổng điều khiển bằng điện Dn80	Cái	3	Hỏng, không sử dụng được
55	Van bướm điều khiển bằng tay Dn100	Cái	4	Hỏng, không sử dụng được
56	Van bướm điều khiển bằng tay (thao tác nhanh) Dn100 Pn10/16	Cái	4	Hỏng, không sử dụng được
57	Van bướm điều khiển bằng tay Dn80	Cái	3	Hỏng, không sử dụng được
58	Van cầu đóng mở bằng tay (HT khí bù) DN200	Bộ	2	Hỏng, không sử dụng được
59	Van cầu đóng mở bằng điện (HT khí bù) DN200	Bộ	1	Hỏng, không sử dụng được
60	Van cầu đóng mở bằng tay (HT khí bù) DN100	Bộ	2	Hỏng, không sử dụng được
61	Van cầu đóng mở bằng điện (HT khí bù) DN100	Bộ	1	Hỏng, không sử dụng được

TT	Danh mục	ĐVT	SL	Ghi chú
62	Cuộn van điện từ: Thông số UW-15 220VAC	Cái	2	Hỏng, không sử dụng được
63	Van cổng Dn125 Pn16 điều khiển bằng tay	Cái	4	Hỏng, không sử dụng được
64	Van chặn SN65	Cái	9	Hỏng, không sử dụng được
65	Van chặn DN65 PN10	Cái	2	Hỏng, không sử dụng được
66	Van bướm điều khiển bằng tay (thao tác nhanh) Dn150, Pn16	Cái	6	Hỏng, không sử dụng được
67	Van cổng Dn25 Pn10 điều khiển bằng điện	Cái	6	Hỏng, không sử dụng được
68	Van bướm điều khiển bằng tay Dn200	Cái	12	Hỏng, không sử dụng được
69	Van cổng Dn250	Cái	2	Hỏng, không sử dụng được
70	Van cổng Dn50 Pn10 điều khiển bằng điện	Cái	2	Hỏng, không sử dụng được
71	Cảm biến lưu lượng kiểu TFS100, dải làm việc: 1-150cm ³ /s, tiếp điểm 1NO+1NC/220Vac/5A, điện áp: 220VAC	Cái	4	Hỏng, không sử dụng được
72	Đồng hồ đo dòng rò, đếm sét 220kV loại JCQ-1	Bộ	18	Hỏng, không sử dụng được
73	Bơm xăng cứu hỏa	Cái	1	Hỏng, không sử dụng được
74	Bơm điện	Cái	1	Hỏng, không sử dụng được
75	Máy bơm nước chữa cháy di động Tohatsu V75ES	Cái	2	Hỏng, không sử dụng được
76	Bơm chìm nước thải sinh hoạt; công suất 0,25kW	Cái	2	Hỏng, không sử dụng được
77	Bơm trực đứng dẫn động điện YBL 280-4-4	Bộ	2	Hỏng, không sử dụng được
78	Bơm thủy lực A2F0125/61R-PBB05	Cái	1	Hỏng, không sử dụng được
79	Vỏ bình cứu hỏa MFZ4	Bình	53	Hỏng, không sử dụng được
80	Vỏ bình cứu hỏa CO2	Bình	40	Hỏng, không sử dụng được
81	Bình chữa cháy MFZ2	Bình	8	Hỏng, không sử dụng được
82	Inox các loại	Kg	90	Hỏng, không sử dụng được
83	Dao cắt phụ tải 3KL 5230-1AB01	Cái	2	Hỏng, không sử dụng được
84	Meo gió: DC24V/0.15A, góc mở 90-92 độ, lực mở 15N.m, thời gian mở từ 0 đến hoàn toàn 11s	Cái	7	Hỏng, không sử dụng được
85	Đồng hồ đo các loại	Cái	12	Hỏng, không sử dụng được
86	Đèn chiếu sáng các loại	Cái	36	Hỏng, không sử dụng được
87	Cáp cầu các loại	Cuộn	2	Hỏng, không sử dụng được
88	Tôn múi màu xanh	Kg	31,5	Hỏng, không sử dụng được
89	Nhựa phế liệu	Kg	2	Hỏng, không sử dụng được
90	Dây cáp nước nóng - lạnh Eurolife EL X22, dài 50cm	Cái	40	Hỏng, không sử dụng được
91	Vòng bi các loại	Vòng	23	Hỏng, không sử dụng được
92	Van điện từ: Kiểu MFZ12-37YC, thông số 220Vdc, 30W	Cái	4	Hỏng, không sử dụng được
93	Cảm biến các loại	Cái	4	Hỏng, không sử dụng được

TT	Danh mục	ĐVT	SL	Ghi chú
94	Máy hút âm loại BC EY6	Cái	1	Hỏng, không sử dụng được
95	Bơm ly tâm trục ngang Pentax	Cái	1	Hỏng, không sử dụng được
II	Vật tư dự phòng nhận bàn giao (ứ đọng, kém mất phẩm chất)			
96	Gioăng cạnh P60A,L=9001	Cái	4	Ứ đọng, hỏng / kém chất lượng
97	Gioăng đỉnh P60A-4180	Cái	2	Ứ đọng, hỏng / kém chất lượng
98	Gioăng góc PL60-A	Cái	8	Ứ đọng, hỏng / kém chất lượng
99	Gioăng giữa hai phân đoạn 20x130x6922	Cái	4	Ứ đọng, hỏng / kém chất lượng
100	Gioăng cạnh P60A, L=8926	Cái	4	Ứ đọng, hỏng / kém chất lượng
101	Gioăng đỉnh P60A,L=3680	Cái	2	Ứ đọng, hỏng / kém chất lượng
102	Gioăng cao su 130x20x6600	Cái	4	Ứ đọng, hỏng / kém chất lượng
103	Gioăng đáy 20x130x7620	Cái	4	Ứ đọng, hỏng / kém chất lượng
104	Gioăng cạnh P60A, L=7050	Cái	4	Ứ đọng, hỏng / kém chất lượng
105	Gioăng đỉnh PA 60A, L=6980	Cái	2	Ứ đọng, hỏng / kém chất lượng
106	Gioăng cao su 20.2.4GB1235	Cái	10	Ứ đọng, hỏng / kém chất lượng
107	Gioăng cao su 40.3.1GB1235	Cái	10	Ứ đọng, hỏng / kém chất lượng
108	Gioăng cao su 69.22.5.33	Cái	10	Ứ đọng, hỏng / kém chất lượng
109	Gioăng cao su 88.27.5.33	Cái	10	Ứ đọng, hỏng / kém chất lượng
110	Gioăng cao su tròn 35*3.1	Cái	20	Ứ đọng, hỏng / kém chất lượng
111	Gioăng cao su tròn 40*3.1	Cái	20	Ứ đọng, hỏng / kém chất lượng
112	Gioăng cao su tròn 20*2.4	Cái	20	Ứ đọng, hỏng / kém chất lượng
113	Gioăng cao su 320x304x8,6	Cái	24	Ứ đọng, hỏng / kém chất lượng
114	O-Ring 720*8.6/ gioăng O	Chiếc	1	Ứ đọng, hỏng / kém chất lượng
115	O-Ring 795*8.6/ gioăng O	Chiếc	1	Ứ đọng, hỏng / kém chất lượng
116	Gioăng cao su (46 gioăng tròn + 04 gioăng dẹt)	Cái	50	Ứ đọng, hỏng / kém chất lượng
117	O-Ring 28*3.1/ gioăng O	Chiếc	5	Ứ đọng, hỏng / kém chất lượng
118	O-Ring 635*8.6/ gioăng O	Chiếc	2	Ứ đọng, hỏng / kém chất lượng
119	Dây đai cao su đỉnh	Cái	12	Ứ đọng, hỏng / kém chất lượng
120	Dây đai cao su đáy	Cái	12	Ứ đọng, hỏng / kém chất lượng